

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/DS-ST

Ngày: 28 – 10 – 2022

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Dài.

2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn H, sinh năm 1959.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã NT, huyện TT, tỉnh LA.

- Bị đơn: 1. Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT.

2. Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã TB, huyện CT, tỉnh ĐT.

Ông Võ Văn H có mặt tại phiên tòa; chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày:

Vào ngày 14/4/2022, ông Võ Văn H có cho chị Lê Thị Bích N và chị Trần Thị Mỹ L vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), chị L và chị N có trách nhiệm trả cho ông H mỗi ngày là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), trả trong thời hạn 120 ngày, khi vay có làm giấy mượn tiền.

Từ khi vay đến nay, chị N và chị L đã góp cho ông H được 16 ngày, với số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) thì không còn góp nữa, còn lại số tiền gốc là 42.000.000 đồng.

Nay, ông Võ Văn H yêu cầu chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L liên đới trả cho ông H số tiền gốc là 42.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/4/2022 đến ngày 28/10/2022 là 6 tháng 14 ngày, với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 4.509.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 46.509.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

- Bị đơn chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Biên nhận ngày 14/4/2022 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Đơn khởi kiện của ông Võ Văn H, Tòa án thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Lê Thị Bích N cư trú tại Ấp **, xã AP, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản giữa ông Võ Văn H và chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L theo Biên nhận ngày 14/4/2022.

Xét thấy, sau khi đạt được sự thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn vay, mức lãi suất thì ông H và chị N, chị L xác lập Hợp đồng vay tài sản theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2022. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng vay, ông H và chị N, chị L có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng vay thì ông H và chị N, chị L đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay giữa ông H và chị N, chị L có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Võ Văn H về việc yêu cầu chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L liên đới trả cho ông H số tiền gốc là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Xét thấy, theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2022 thể hiện ông H đã giao cho chị N, chị L số tiền là 50.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, chị N, chị L có trách nhiệm trả khoản tiền vay cho ông H mỗi ngày là 500.000 đồng, trong thời hạn 120 ngày. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay chị N, chị L trả khoản tiền vay cho ông H không đầy đủ theo thỏa thuận. Theo đó, chị N, chị L chỉ trả cho ông H số tiền 8.000.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 42.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H xác định đã nhiều lần yêu cầu chị N, chị L trả tiền vay nhưng chị N, chị L không trả. Cho nên, có cơ sở xác định chị N, chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông H theo thỏa thuận. Vì vậy, ông H yêu cầu chị N, chị L trả số tiền gốc 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Ông H yêu cầu chị N, chị L liên đới trả tiền lãi của khoản tiền gốc 42.000.000 đồng từ ngày 14/4/2022 đến ngày 28/10/2022 là 6 tháng 14 ngày, với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 4.509.000 đồng (Bốn triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

Xét thấy, theo thỏa thuận trong Giấy mượn tiền ngày 14/4/2022 thể hiện chị N và chị L phải trả cho ông H số tiền lãi là 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 5%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H yêu cầu chị N, chị L trả tiền lãi từ ngày 14/4/2022 đến ngày 28/10/2022 là 6 tháng 14 ngày, với lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 4.509.000 đồng. Việc điều chỉnh mức lãi suất nêu trên phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Ngoài ra, tại Giấy mượn tiền ngày 14/4/2022 thể hiện chị N, chị L cũng xác lập giao dịch vay tài sản với ông H. Do đó, chị N, chị L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông H là phù hợp theo quy định tại các Điều 288 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho chị N, chị L nhưng đến nay chị N, chị L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, chị N, chị L phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay theo yêu cầu của ông H.

Từ những phân tích đã nêu trên, ông Võ Văn H yêu cầu Lê Thị Bích N và chị Trần Thị Mỹ L liên đới trả cho ông H số tiền gốc và lãi là 46.509.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H nên chị N, chị L phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H.

Buộc chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L liên đới trả cho ông H số tiền gốc và lãi là 46.509.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Lê Thị Bích N, chị Trần Thị Mỹ L phải liên đới chịu tiền án phí là 2.325.000 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên